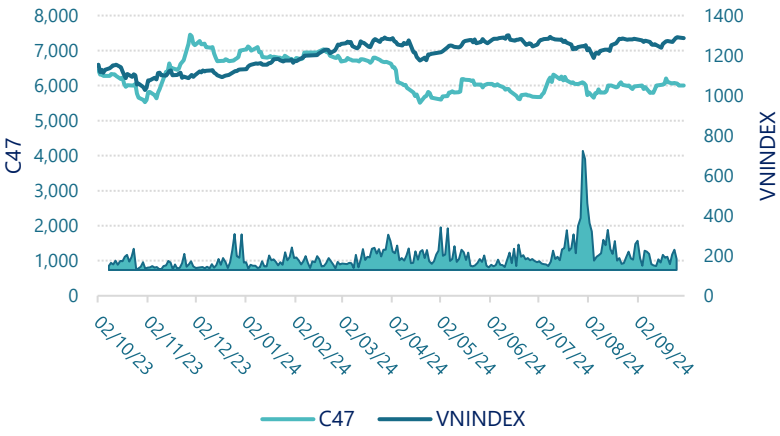
CTCP Xây dựng 47 (HSX: C47)



Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,455
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,510
SL cổ phiếu LH	36,342,269
KLGD BQ 20 phiên (CP)	55,980
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	218
P/E	26.2
EPS	229

DT thuần

Q3/24

188

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 40.0| 26.8%

YoY: ▼120| -39.1%

LN sau thuế

Q3/24

0.99

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.37| -27.4%

YoY: ▼6.57| -86.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

7.6%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần

9T 2024

477

tỷ VNĐ

YoY: ▼259| -35.3%

LN sau thuế

9T 2024

3.60

tỷ VNĐ

YoY: ▼7.20| -66.7%

ROE

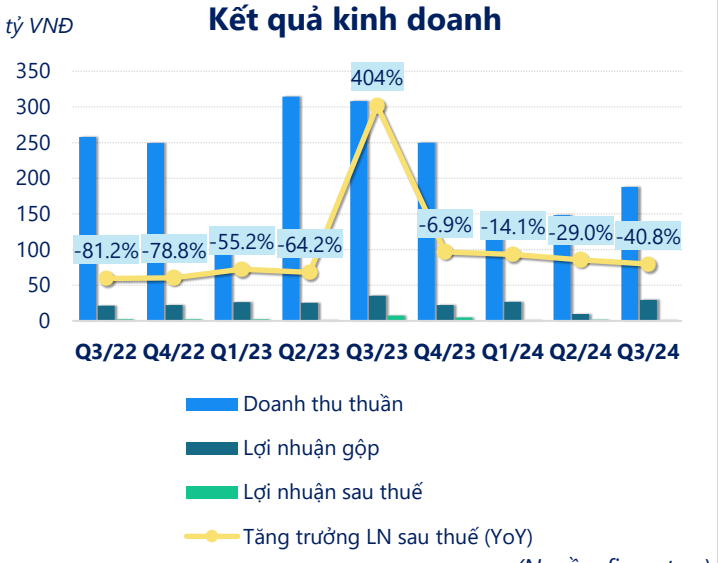
Q3/24

1.9%

+/- YoY: ▼ 1.2%

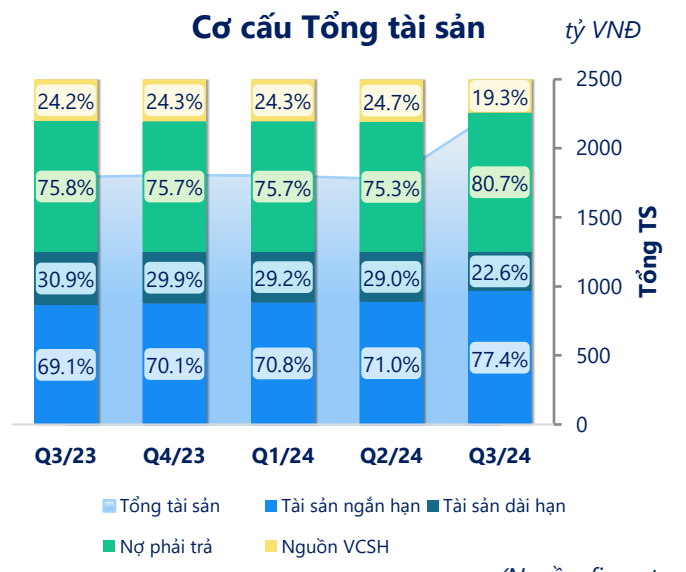
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



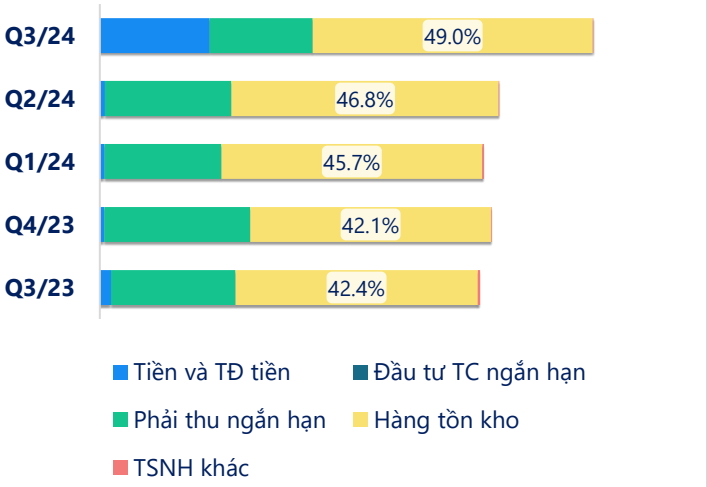
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



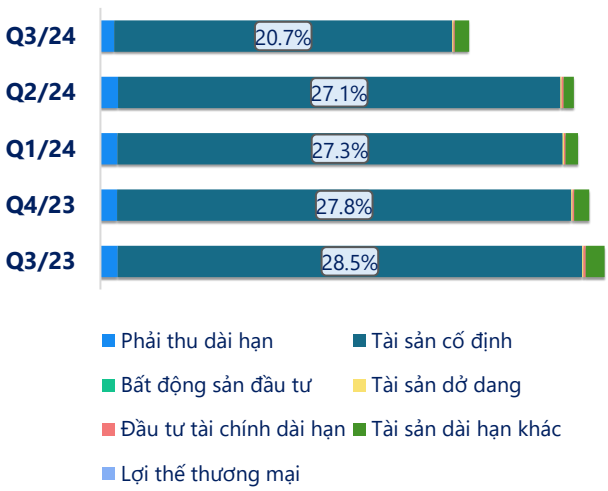
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



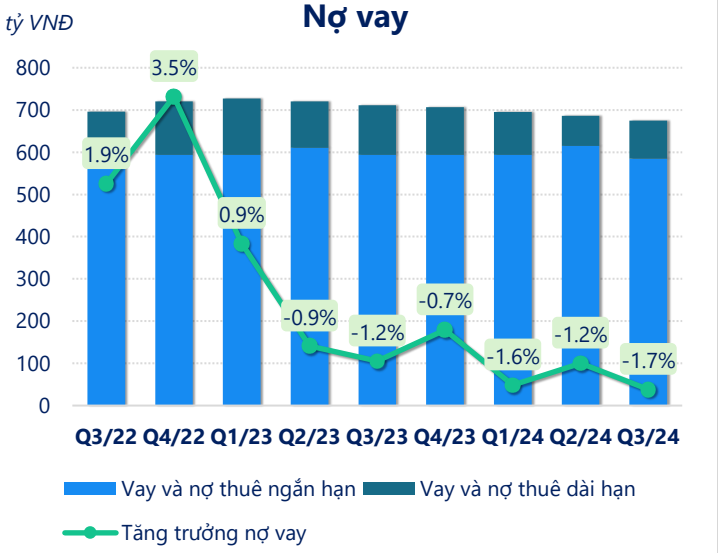
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



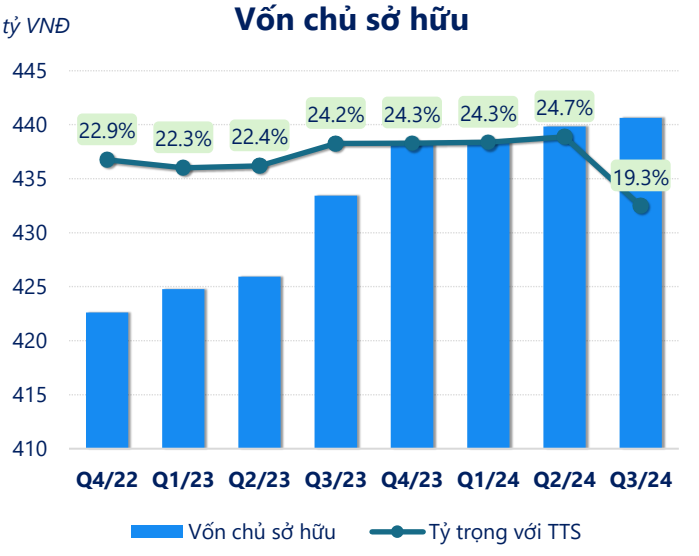
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



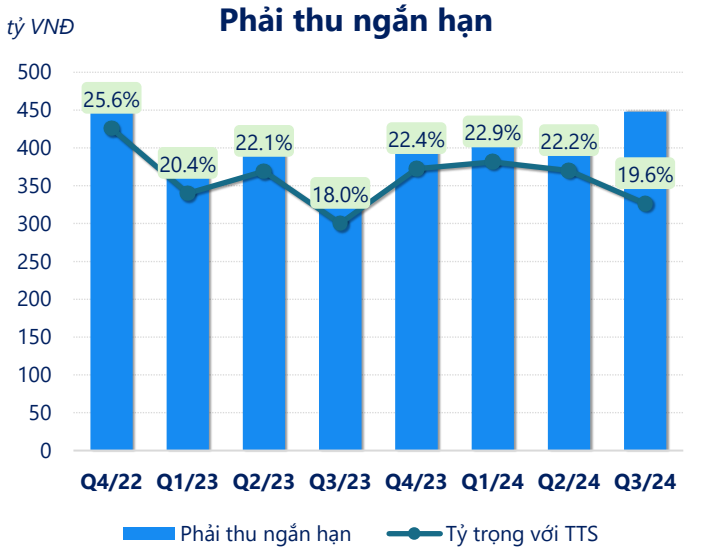
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



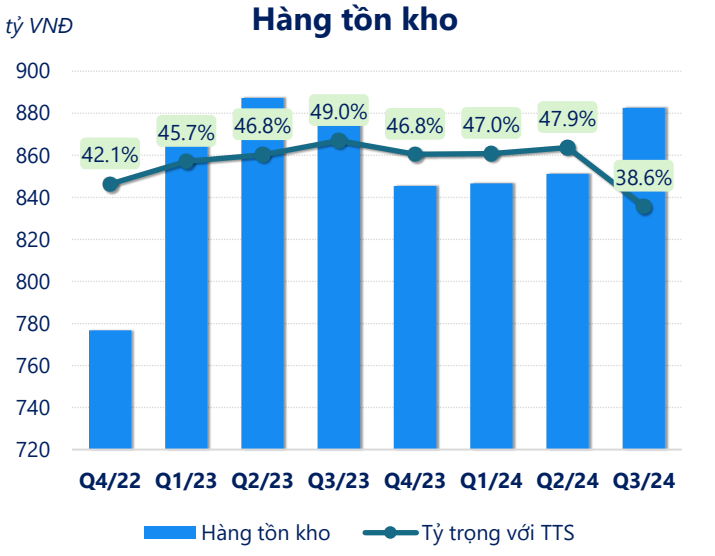
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



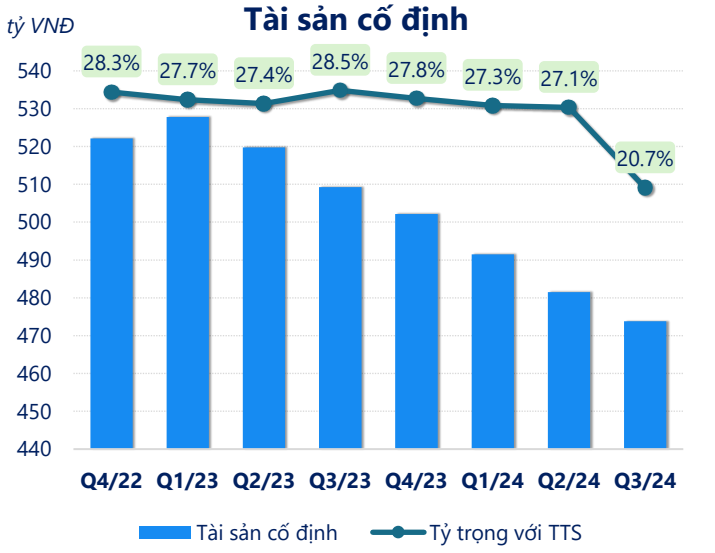
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



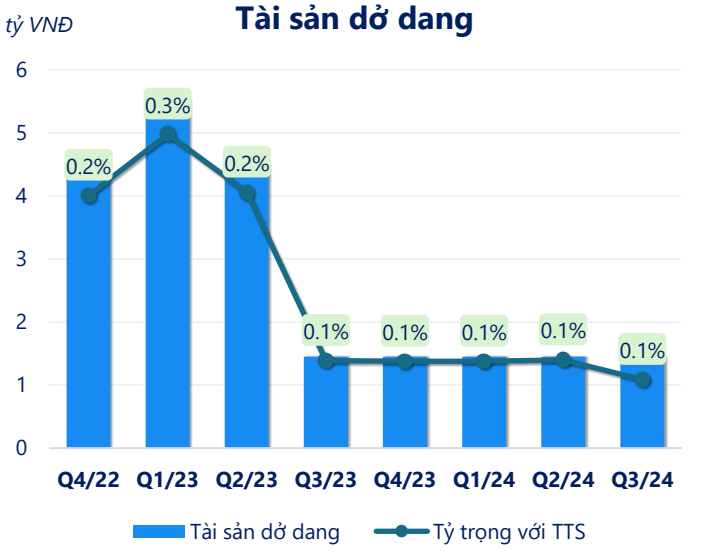
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



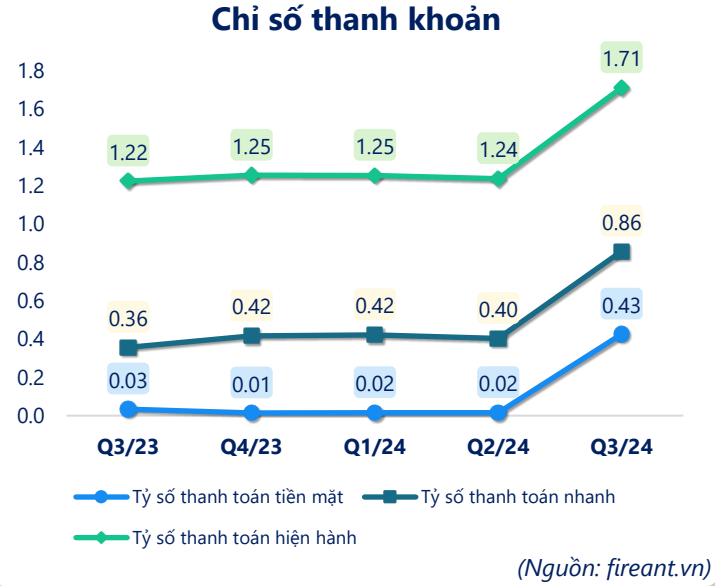
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



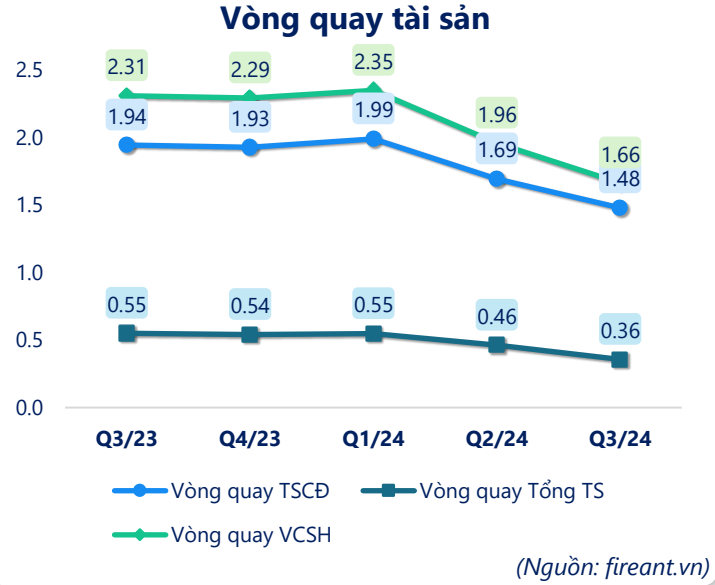
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**1,790**	**1,806**	**1,803**	**1,777**	**2,287**
Tài sản ngắn hạn	**1,237**	**1,265**	**1,276**	**1,262**	**1,770**
Tiền và tương đương tiền	34.8	14.0	15.6	16.0	440
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	322	404	413	394	448
Hàng tồn kho	877	845	847	851	883
Tài sản ngắn hạn khác	2.80	2.08	0.76	0.05	0.05
Tài sản dài hạn	**553**	**541**	**527**	**515**	**517**
Phải thu dài hạn	18.8	18.6	18.8	19.2	19.2
Tài sản cố định	509	502	492	482	474
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.45	1.45	1.45	1.45	1.45
Đầu tư tài chính dài hạn	2.49	2.00	2.00	2.00	2.00
Tài sản dài hạn khác	20.7	16.5	13.5	11.1	20.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,356**	**1,368**	**1,364**	**1,337**	**1,846**
Nợ ngắn hạn	**1,010**	**1,009**	**1,017**	**1,020**	**1,034**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	594	593	593	615	585
Phải trả người bán ngắn hạn	226	245	240	197	219
Nợ dài hạn	346	359	347	317	812
Vay và nợ thuê dài hạn	118	113	102	71.3	90.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**433**	**438**	**438**	**440**	**441**
Vốn chủ sở hữu	**433**	**438**	**438**	**440**	**441**
Vốn điều lệ	330	363	363	363	363
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)